TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2017
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* **Ông Nguyễn Khánh Toàn**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. **Bà Lê Thị Hoa**
2. **Ông Nguyễn Chung**

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Đặng Thị Hồng Thủy –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** **Bà Lê Thị Bích Thảo –** Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2017/HPT-ST ngày 16/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Trần T. X. Đ**, sinh năm: 1992
Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Trần L,** sinh năm: 1981
Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị Xuân Đài trình bày:

Chị và anh Trần L sống chung từ năm 2010 đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014, anh L thay đổi tính tình, thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã. Ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn trong vấn đề công việc và ngoại giao của chị. Thời gian một năm gần đây, những lần

cãi vả anh L lại đánh chị. Chị và con đã chuyển ra nhà trọ ở và không sống cùng với anh L từ giữa tháng 6/2017 cho đến nay. Nay tình cảm của chị dành cho anh L không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Trần T. Q. T, sinh ngày 27/10/2011. Nếu ly hôn chị có yêu cầu nuôi cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn Trần L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ về đăng ký kết hôn và con chung. Anh thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn kình cãi vì lý do công việc của chị Đ. Nay chị Đài yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con và anh vẫn làm tròn trách nhiệm người chồng, người cha. Nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu Trần T Q. T –Sinh ngày: 27/10/2011 và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về chấp hành pháp luật Hội đồng xét xử đã chấp hành các bước tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần T. X. Đ. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần T. X. Đ và anh Trần L. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần T. Q. T, sinh ngày 27/10/12011 cho chị Trần T. X. Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị Trần T. X. Đ và anh Trần L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần T. X. Đ và anh Trần L tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2011 ngày 05/4/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh L là hợp pháp.

Việc chị Đ yêu cầu được ly hôn anh L, không được anh L chấp nhận. Nhưng căn cứ vào lời khai của chị Đ, anh L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, cho thấy: mâu thuẫn giữa chị Đ, anh L đã phát sinh từ năm 2014 là có thật. Mặc dù giữa chị Đ và anh L đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không những không giải quyết được những mâu thuẫn đã phát sinh trong

quan hệ vợ chồng, mà ngược lại còn làm cho mâu thuẫn giữa hai bên càng trở nên trầm trọng hơn, cụ thể là chị Đ và anh L không còn sống chung với nhau.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ yêu cầu ly hôn anh L là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh L.

[2] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh L đều có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trần T. Q. T, sinh ngày 27/10/2011. Xét thấy cháu T còn nhỏ và hiện nay đang ở với mẹ. Do đó giao cháu Trần T. Q. T, sinh ngày 27/10/2011 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị Đ, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần T. X. Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần T. X. Đ

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần T. X. Đ và anh Trần L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần T. Q. T, sinh ngày 27/10/12011 cho chị Trần T. X. Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần T. X. Đ và anh Trần L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần T. X. Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013252 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Khánh Hòa*;
- *VKSND thị xã Ninh Hòa*;
- *THA dân sự thị xã Ninh Hòa;*
- *UBND phường N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Khánh Toàn